

Số: *05* /2022/QĐ-UBND

Long An, ngày *11* tháng *01* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3899/TTr-SCT ngày 10/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *25* /01/2022 và thay thế Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Cục Kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, CT UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (công báo);
- Lưu: VT, SCT, An. (4)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2022/QĐ-UBND
ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Long An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về các nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quản lý đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Các nội dung về công tác quản lý có liên quan đến cụm công nghiệp không quy định trong Quy chế này, thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.
3. Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Việc phối hợp quản lý phải được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện được pháp luật quy định.

c) Thực hiện cơ chế quản lý một đầu mối, tránh chồng chéo, gây phiền hà cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất nội dung phối hợp, trong quá trình thực hiện sẽ do cơ quan chủ trì quyết định hoặc phối hợp nhiều cơ quan khác giải quyết công việc.

a) Đối với cơ quan chủ trì: Có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp, gửi kết luận về Sở Công Thương 01 (một) bản để phối hợp, theo dõi.

b) Đối với cơ quan phối hợp: Có trách nhiệm tham gia góp ý và chịu trách nhiệm về ý kiến đã đóng góp. Nếu không có ý kiến thì cơ quan phối hợp xem như thống nhất với nội dung kết luận của cơ quan chủ trì.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Nội dung

a) Phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc thành lập và hoạt động của cụm công nghiệp.

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển cụm công nghiệp; đề xuất đầu tư cụm công nghiệp theo hình thức đối tác công tư.

c) Xây dựng chính sách để hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề vào cụm công nghiệp làng nghề do ngân sách địa phương đảm bảo.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

Sở Công Thương chủ trì tham mưu, các sở ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương chủ trì tổng hợp, xây dựng, hoàn thiện phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP, đề xuất danh mục phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện gửi Sở Công Thương tổng hợp theo kỳ quy hoạch tỉnh.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Xử lý, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai các chương trình phối hợp, liên kết với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên quan để thu hút đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng lãnh thổ; Thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn ngân sách địa phương để đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài cụm công nghiệp trên địa bàn; Đề xuất, hướng dẫn, quản lý thực hiện đầu tư cụm công nghiệp theo hình thức đối tác công tư.

d) Các sở ngành, đơn vị có liên quan: Phối hợp xây dựng, hoàn thiện phương án phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan.

3. Quản lý phương án phát triển cụm công nghiệp sau khi được phê duyệt

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cùng các sở ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, quản lý, theo dõi việc thực hiện đảm bảo theo nội dung phương án phát triển cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở, nội dung, hồ sơ, trình tự điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương:

Chủ trì tổng hợp, xây dựng, hoàn thiện báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chủ trì xem xét đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp gồm tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp huyện, diện tích thay đổi phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác nhưng không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, làm tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Căn cứ nhu cầu, tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn quản lý, đề xuất điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với điều chỉnh quy hoạch tỉnh, trong đó có điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các sở ngành, đơn vị có liên quan: Phối hợp xây dựng, hoàn thiện báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan đến điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện, nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt; thời hạn tiếp nhận, lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP và Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP, Điều 4 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

3. Đối với các cụm công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư nhưng chưa có quyết định thành lập, khi nhà đầu tư thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, nhà đầu tư phải thực hiện đồng thời thủ tục thành lập cụm công nghiệp, các nội dung dự án điều chỉnh sẽ được cập nhật vào quyết định thành lập cụm công nghiệp.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Trách nhiệm của Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 và xem xét điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Là cơ quan thường trực giúp Hội đồng tổ chức thực hiện đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP, Điều 4 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thống nhất với Bộ Công Thương trong trường hợp thành lập, mở rộng cụm công nghiệp có điều chỉnh diện tích lớn hơn 05 ha so với phương án phát triển cụm công nghiệp nằm trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Phối hợp Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

c) Các sở ngành, đơn vị có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ thành lập

cụm công nghiệp, Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư và có ý kiến thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

Điều 8. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm lập hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt.

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của cụm công nghiệp, khi thẩm định phải có ý kiến thống nhất của các sở ngành có liên quan. Sau khi đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Công Thương 01 bộ (trong đó có bản mềm) để cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

c) Sở Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, có ý kiến bằng văn bản đối với đồ án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

d) Các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

1. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

2. Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Điều 6 Thông tư số 28/2020/TT-BCT và quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Xây dựng: Chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở và cấp giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Sở Giao thông vận tải: Chủ trì thỏa thuận, cấp phép thi công đấu nối hạ tầng giao thông cụm công nghiệp đối với đường tỉnh; Chủ trì hướng dẫn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận đấu nối, cấp phép thi công đấu nối hạ tầng giao thông cụm công nghiệp đối với quốc lộ theo quy định pháp luật.

c) Các sở ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan: Chủ trì quản lý, hướng dẫn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện các thủ tục liên quan đến quá trình lập, thực hiện dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 20, Điều 21 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm bảo vệ môi trường cụm công nghiệp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Trong giai đoạn chuẩn bị dự án, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án. Cấu trúc, nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì quản lý bảo vệ môi trường trong hoạt động của cụm công nghiệp; chủ trì tiếp nhận hồ sơ và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

b) Các sở ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quản lý bảo vệ môi trường cụm công nghiệp; tham gia hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư cụm công nghiệp

1. Việc thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì hướng dẫn, thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư,

quyết định thu hồi đất (đối với các công trình thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Tiếp nhận, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và dự án đầu tư trong cụm công nghiệp theo quy định.

Tiếp nhận, thẩm định, ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các dự án của tổ chức nhận chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở ngành hỗ trợ, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác thu hồi, cho thuê đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư trong đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Điều 12. Tiếp nhận, thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Việc tiếp nhận, thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tiếp nhận dự án đầu tư vào cụm công nghiệp đảm bảo đúng quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 24, Điều 25 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Các Sở ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hướng dẫn, quản lý việc tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp

1. Việc quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích chung cho các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp trên cơ sở ý kiến của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, không trái quy định của pháp luật để quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp, gửi Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi,

quản lý; Duy tu, bảo dưỡng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động.

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp: Thực hiện đúng hợp đồng thỏa thuận đã ký kết với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Đầu mối tiếp nhận Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích do Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập đề theo dõi, quản lý, giám sát.

Chủ trì giải quyết các khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh; công tác thông tin báo cáo về cụm công nghiệp

1. Nội dung theo dõi, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh

a) Việc quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với dự án đầu tư trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp phải thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cho thuê đất (nếu có), chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

c) Các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng khi đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đủ điều kiện phê duyệt thiết kế xây dựng và đáp ứng các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. Chủ đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm gửi thông báo thời điểm khởi công xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương để quản lý.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương: Chủ trì hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tìm hiểu cơ chế, chính sách về thực hiện dự án đầu tư trong cụm công nghiệp; quản lý, theo dõi chung về tình hình hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp; đầu mối tiếp nhận, tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, cả năm và cập nhật cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì cấp, điều chỉnh, thu hồi các loại giấy chứng nhận đối với dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

c) Sở Xây dựng: Chủ trì quản lý chất lượng công trình xây dựng của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ trì hướng dẫn, quản lý về lĩnh vực tài nguyên, bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

đ) Cục Thuế tỉnh: Hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

e) Các Sở ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì đơn đốc, hướng dẫn, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Công tác thông tin báo cáo

a) Đối với dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, nội dung báo cáo gồm: Ngành nghề sản xuất, sản lượng sản phẩm, doanh thu của dự án, số nộp ngân sách nhà nước của dự án, lao động đang làm việc thường xuyên tại dự án, thu nhập bình quân lao động của dự án.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, nội dung báo cáo gồm: Tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, vốn thực hiện, kết quả đầu tư của dự án, kết quả thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp, nộp ngân sách nhà nước, kết quả thụ hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước, lao động, bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, báo cáo năm và đột xuất theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

d) Các Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin về lĩnh vực do đơn vị mình quản lý để phục vụ cho công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Công tác quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực khác liên quan đến cụm công nghiệp

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định công nghệ, đánh giá công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ trong cụm công nghiệp. Hướng dẫn và thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp sáng tạo) đối với các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, xác nhận không thuộc diện cấp phép cho người lao động nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp trong cụm công nghiệp; Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan điều tra tai nạn lao động chết người, có hai người bị tai nạn trở lên; tham gia, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ lao động giải quyết tranh chấp lao động và đình công trong cụm công nghiệp.

3. Sở Thông tin và Truyền thông: Quản lý và chỉ đạo doanh nghiệp bưu chính phối hợp với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đầu tư xây dựng mạng lưới bưu chính viễn thông đáp ứng yêu cầu về thông tin liên lạc cho doanh nghiệp trong cụm công nghiệp, đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

4. Sở Tài chính: Phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp khi có vướng mắc trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp.

5. Công an tỉnh: Theo dõi, nắm bắt tình hình, tăng cường công tác đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh trật tự, phòng ngừa đình công, lãn công cho các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp; phối hợp tham gia thẩm định, tham gia ý kiến trên lĩnh vực đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; tiếp nhận, phối hợp giải quyết theo thẩm quyền các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự xảy ra tại các cụm công nghiệp như tình huống tập trung đông người, khiếu kiện, tố cáo về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các cụm công nghiệp.

6. Cục Thuế tỉnh: Tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện các quy định, chính sách, pháp luật về thuế; Phối hợp cung cấp số liệu định kỳ 6 tháng, hàng năm về doanh thu, số nộp ngân sách nhà nước của dự án trong cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Công Thương để tổng hợp.

7. Cục Hải quan: Phối hợp hướng dẫn doanh nghiệp trong cụm công nghiệp về chính sách thuế, thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Điều 16. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra

a) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp về các lĩnh vực xây dựng, tài nguyên môi trường, phòng cháy chữa cháy, ngành nghề sản xuất, kinh doanh có điều kiện,...

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương chủ trì thanh tra, kiểm tra đối với chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm, giải

quyết những vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp, thu hồi quyết định thành lập khi không đảm bảo các điều kiện thành lập.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý sử dụng đất, bảo vệ môi trường, xây dựng của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp về việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án trước khi dự án đi vào vận hành chính thức theo các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt.

d) Sở Xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra về quản lý chất lượng, kiểm tra nghiệm thu công trình xây dựng trong các cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

đ) Sở Tài chính tổ chức thanh tra, kiểm tra đúng quy định đối với việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp.

e) Các sở ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này sẽ được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng hiện hành. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế.

3. Các nội dung quản lý nhà nước về cụm công nghiệp chưa nêu trong Quy chế này, căn cứ vào thẩm quyền các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn và chủ trì giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp các quy định của pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan báo cáo Sở Công Thương để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út